

BÁO CÁO

**Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về công tác dân tộc**

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Lâm Đồng là tỉnh thuộc Nam Tây Nguyên có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện, 02 thành phố); 147 xã, phường, thị trấn với 1.564 thôn, tổ dân phố. Dân số 1.307.163 người với 43 dân tộc cùng sinh sống. Đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) có 70.655 hộ với 314.104 người (chiếm 24,1% dân số toàn tỉnh); trong đó, đồng bào gốc Tây Nguyên 39.792 hộ với 196.061 người, chiếm 15,0%; có 66 xã và 468 thôn có trên 20% đồng bào DTTS sinh sống; có nhiều thôn, buôn, xã có đồng bào DTTS chiếm trên 80%. Đến cuối năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn khoảng 3,9%; riêng hộ nghèo đồng bào DTTS là 12,2%.

Đến nay, mặc dù điều kiện kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trong tỉnh đã có bước phát triển khá toàn diện, bộ mặt nông thôn, thị trấn, thị tứ có sự chuyển biến rõ nét nhưng vẫn còn nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng đã được đầu tư song chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đời sống; trình độ sản xuất của người dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh song chưa thật sự bền vững, nhiều nơi còn lúng túng trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, sản xuất thụ động, khả năng tự đầu tư, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực chế biến sản phẩm nông nghiệp tại chỗ còn rất yếu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 24-NQ/TW

1. Về tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 24-NQ/TW và ban hành các văn bản thực hiện.

1.1. Các văn bản triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành TW (khóa IX) về công tác dân tộc (*viết tắt là Nghị quyết số 24-NQ/TW*), ngày 28/5/2003, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU (khóa VII) về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc, gắn với việc chỉ đạo tăng cường thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/11/2001 về đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời kỳ 2001 - 2005. Ngày 31/10/2006, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU (khóa VIII) về tập trung nguồn lực, tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2006 - 2010; Chương trình hành động số 31-CTr/TU, ngày 05/3/2012 thực hiện Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020; Văn bản số 87-CV/TU ngày 09/11/2015 về thực hiện Chỉ thị 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư “Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng

đồng bào dân tộc thiểu số”.

Triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, ngày 05/3/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 552/KH-UB thực hiện Nghị quyết số 10 ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010, Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/11/2001 của Tỉnh ủy; Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 20/01/2007 về “Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU (khoá VIII) về tập trung nguồn lực, tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2006 - 2010”; đồng thời UBND tỉnh tiếp tục ban hành các quyết định để thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào DTTS¹; tiếp tục chỉ đạo triển khai có hiệu quả các Chương trình 135, 134, 30a, trợ cước, trợ giá, chương trình hỗ trợ vay vốn, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, các dự án định canh định cư, ổn định dân di cư tự do, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới...

Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và một số sở, ban, ngành của tỉnh đều xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX), Nghị quyết số 19-NQ/TU của Tỉnh ủy ở địa phương, đơn vị². Có 04 huyện ủy thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS³. Một số

¹. Quyết định 70/2001/QĐ-UB ngày 04/8/2001 về hỗ trợ kinh phí làm nhà cho đồng bào dân tộc ít người gốc bản địa thuộc khu vực đặc biệt khó khăn; Quyết định số 163/2002/ ngày 29/11/2003 về phê duyệt phương án giải quyết đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Lâm Đồng. Ngày 04/10/2004, UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định số 178/2004/QĐ-UB, 179/2004/QĐ-UB, 180/2004/QĐ-UB về phê duyệt đề án giải quyết đất sản xuất, đất ở; nước sinh hoạt, hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Ngày 12/10/2005, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 184/2005/QĐ-UBND về trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên dân tộc đảng theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp dạy nghề. Ngày 05/04/2007 ban hành Quyết định số 1066/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn buôn vùng đồng bào DTTS tỉnh Lâm Đồng. Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh quy định mức trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên của tỉnh Lâm Đồng đang học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh quy định hạn mức bình dân giao đất sản xuất cho các hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn ĐBKK trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn ĐBKK trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ trực tiếp thuộc chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch số 3960/KH-UBND ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 tỉnh Lâm Đồng. Kế hoạch số 2238/KH-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với ĐBDTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020 và đến năm 2025. Kế hoạch triển khai thực hiện quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án "Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng ĐBDTTS" trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030. Phê duyệt danh sách người có uy tín trong ĐBDTTS tỉnh Lâm Đồng hàng năm. Phê duyệt phương án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trực tiếp và trợ giá cây trồng trên địa bàn tỉnh hàng năm. Chỉ đạo thực hiện cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, mua sắm nông cụ, nước sinh hoạt cho ĐBDTTS trên địa bàn tỉnh hàng năm. Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Ngày 29/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2117/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020.

² Có 11 huyện, thành ủy xây dựng nghị quyết, 01 huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX), Nghị quyết số 19-NQ/TU của Tỉnh ủy về công tác dân tộc

³. Huyện Đơn Dương, Di Linh, Đạ Tẻh và Đam Rông.

địa phương xây dựng nghị quyết chuyên đề tập trung vào xóa đói giảm nghèo, xây dựng toàn diện vùng đồng bào DTTS. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở đều có các chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể và xác định rõ các nhiệm vụ cụ thể đối với địa bàn có đông đồng bào DTTS.

1.2. Tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để tuyên truyền, quán triệt cho cán bộ cấp tỉnh và cấp huyện; chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng có kế hoạch, chương trình phối hợp tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, đoàn viên, hội viên, nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, người có uy tín và nhân dân. Hàng năm, trong Nghị quyết lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đều xác định nhiệm vụ trọng tâm tập trung ưu tiên đầu tư các nguồn lực cho vùng DTTS.

Qua học tập và nghiên cứu, nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, người có uy tín và quần chúng nhân dân về vị trí, vai trò, nhiệm vụ công tác dân tộc trong tình hình mới được nâng lên từ đó củng cố niềm tin và ủng hộ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển toàn diện vùng DTTS.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết nghị quyết

Định kỳ hàng năm, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành Trung ương đều có chương trình giám sát chuyên đề, kiểm tra việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, chỉ đạo các đảng bộ trực thuộc tự kiểm tra và xây dựng báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 7 khóa IX (*Nghị quyết số 24 -NQ/TW về công tác dân tộc*); thành lập Đoàn kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra ở 03 huyện, thành ủy, 06 tổ chức cơ sở đảng. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát, sơ kết nghiêm túc, chặt chẽ, có chất lượng, theo quy định, phù hợp với đặc điểm tình hình của từng đơn vị, địa phương. Nhìn chung các đơn vị, địa phương đều phát huy những kết quả đạt được qua các đợt sơ kết 02 năm, sơ kết 04 năm. Ngày 29/9/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 13-KH/TU về kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động số 66-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) "*Về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*", gắn với kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư "*Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*"; kịp thời đề ra các giải pháp tích cực nhằm thực hiện tốt nghị quyết ở địa phương, cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra tại địa phương được HĐND, UBND tỉnh, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các ngành thực hiện theo kế hoạch hàng năm, qua đó nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách dân tộc, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS của tỉnh.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết

2.1. Tình hình vùng dân tộc trước khi có Nghị quyết

Năm 2003, toàn tỉnh có 49 xã, 64 thôn diện đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS chiếm 24% (*theo tiêu chí mới*), còn nhiều hộ đói giáp hạt; nhiều xã chưa có trường học, trạm y tế và bác sĩ; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em trên 30%, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; giao thông đến trung tâm nhiều xã phần lớn chỉ đi được mùa nắng, ách tắc trong mùa mưa. Tỷ lệ hộ vùng đồng bào DTTS dùng nước hợp vệ sinh dưới 50%, tỷ lệ dùng điện dưới 60%. Hệ thống chính trị vùng đồng bào DTTS từng bước được tăng cường, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng an ninh.

Nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS vẫn còn nhiều khó khăn, kết quả đạt được chưa tương xứng với sự đầu tư của Đảng và Nhà nước. Trình độ sản xuất hạn chế, chủ yếu vẫn là trồng trọt mang tính quảng canh nên năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất còn thấp, chưa ổn định, thị trường tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn. Nhiều nơi còn lúng túng trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất thụ động, khả năng tự đầu tư, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực chế biến sản phẩm nông nghiệp tại chỗ thiếu thốn. Đời sống của một bộ phận đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn. Hộ đói, nghèo trong vùng đồng bào DTTS chiếm tỷ lệ lớn. Kinh tế lâm nghiệp chưa thực sự đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho người lao động nên đồng bào chưa gắn bó với nghề rừng.

Chất lượng giáo dục - đào tạo trong vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế, kết quả đào tạo nghề còn thấp; một số tập quán lạc hậu trong sản xuất và đời sống chậm được khắc phục, mê tín dị đoan có xu hướng gia tăng.

Hệ thống chính trị cơ sở nhiều nơi còn yếu, chưa thật sự sát dân nên không kịp thời phát hiện những vấn đề thực tế đặt ra, từ đó chậm xác định, bổ sung, hoàn thiện các chủ trương, chính sách phù hợp; hiệu quả quản lý xã hội còn thấp; hoạt động tôn giáo trái phép ở một số nơi diễn biến phức tạp; tình trạng lợi dụng, kích động, lôi kéo một số người trong cộng đồng gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc chưa được phát hiện, ngăn chặn kịp thời; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật để sản xuất nông nghiệp còn diễn ra ở nhiều nơi; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn.

2.2. Kết quả sau 15 năm thực hiện Nghị quyết:

2.2.1. Thực hiện chủ trương, chính sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong 15 năm qua, bằng nhiều nguồn lực tỉnh Lâm Đồng đã tập trung đầu tư toàn phát triển diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từ đó, bộ mặt nông thôn vùng đồng bào DTTS đã có nhiều thay đổi: sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống của đại bộ phận đồng bào ngày càng khá hơn. Nhiều hộ đồng bào DTTS đã biết tận dụng đất đai, lao động, các điều kiện khác để đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa, đa dạng về giống cây trồng vật nuôi. Nhiều vùng chuyên canh cây rau thương phẩm, cà phê, chè, điều, tiêu... đã hình thành và phát triển. Đặc biệt, một số hộ đồng bào DTTS ở các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Lâm Hà... đã biết chuyển sang trồng rau thương phẩm, trồng hoa xuất khẩu để tăng thu nhập và

làm giàu. Tổng sản lượng lương thực toàn vùng năm sau tăng hơn năm trước. Xuất hiện nhiều mô hình sản xuất mang lại hiệu kinh tế cao như: Trồng bơ ghép, cam ghép, nuôi cá rô phi đơn tính, vườn chồi cà phê ghép, trồng chuối Laba, nuôi heo địa phương tại huyện Bảo Lâm, thâm canh cà phê catimo, nuôi vịt xiêm, nuôi gà thả vườn, nuôi cá nước ngọt và nuôi bò vàng sinh sản tại Lạc Dương, chăn nuôi bò sữa tại huyện Đơn Dương... Các chính sách về trợ giá, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ tín dụng tạo điều kiện giảm chi phí đầu vào cho sản xuất, nâng cao thu nhập cho đồng bào DTTS. Đến nay, số hộ nghèo đồng bào DTTS giảm đáng kể, hộ giàu tăng lên hàng năm, cụ thể: cuối năm 2003, hộ nghèo DTTS chiếm 24% (theo tiêu chí mới). Đến cuối năm 2017, giảm còn 12,2%, không còn hộ đói; 100% số xã có điện lưới quốc gia, trên 70% số hộ đồng bào DTTS được dùng điện; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được cả hai mùa khô và mùa mưa, nhiều xã vùng sâu, vùng xa đã có đường bê tông nhựa.

- *Chương trình 135*: Tổng vốn đầu tư 907.973 triệu đồng tập trung cho các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III), thôn đặc biệt khó khăn với trên 1.237 công trình lớn nhỏ được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, hỗ trợ phát triển sản xuất cho 29.892 lượt hộ dân được thụ hưởng. Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày với trên 4.000 lượt cán bộ huyện, xã, thôn, cộng đồng tham gia.

- *Chương trình 134*: Tổng vốn đầu tư trên 78.281 triệu đồng để xóa 15 ngàn căn nhà tạm; cấp đất sản xuất cho đồng bào DTTS ở những nơi còn quỹ đất, khai hoang phục hoá, thu hồi đất từ những dự án không có hiệu quả để giao cho đồng bào DTTS nghèo thiếu đất; tổ chức đào tạo nghề, chuyển đổi sang hình thức chăn nuôi, xuất khẩu lao động... đã giải quyết cho trên 4.100 hộ DTTS thiếu đất; đầu tư xây mới và nâng cấp 192 công trình nước tập trung, 9.229 công trình nước phân tán, cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho gần 30.550 hộ.

- *Chương trình các mặt hàng chính sách miền núi (Chương trình 168)*: Hàng cấp không thu tiền, với 134.496 khẩu được hỗ trợ⁴. Chương trình định canh định cư theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tổng vốn 149.714 triệu đồng, đầu tư 8 điểm định canh định cư tập trung và 13 điểm định canh định cư xen ghép, sắp xếp bố trí ổn định cho trên 1.171 hộ/6012 khẩu DTTS. Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tổng vốn 71.400 triệu đồng, đầu tư 04 dự án ổn định sắp xếp dân cư cho 4.331 hộ DTTS di cư tự do. Chương trình cho vay vốn: Tổng vốn 447.000 triệu đồng, giải quyết cho 24.068 hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất; 3.887 trường hợp học sinh, sinh viên, xuất khẩu lao động; 8.091 hộ vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn vay vốn phát triển sản xuất và 5.069 hộ vay vốn để tham gia chương trình xây dựng nhà, chương trình nước sạch vệ sinh môi trường. Nhìn chung các hộ được vay vốn sử dụng đúng mục đích và bước đầu phát huy hiệu quả. Chương trình hỗ trợ học sinh, sinh viên theo Quyết định 62/QĐ-UBND của UBND tỉnh:

⁴. Gồm: cấp 88.454 cuốn vở học sinh, 110.166 bộ sách giáo khoa, khám cấp thuốc cho 1.325.616 lượt người, cấp 16.600 tấn muối Iốt, 52.880 lít dầu lửa, 24.139 máy thu thanh đơn giản, 49 trạm truyền thanh không dây, bổ sung 1.156 cụm loa và 10 hệ thống biên tập dữ liệu; hỗ trợ tiền điện thấp sáng kinh phí 1.766 triệu đồng. Hàng trợ cước, trợ giá, gồm: trợ cước vận chuyển 18.404 tấn muối, 35.838 tấn phân bón; 1.770 tấn lúa giống, 432 tấn bắp giống, 2.041 ha điều ghép, 1.705 ha chè, 791 ha giống dâu tằm, 678 ha giống cà phê và hồ tiêu, 249 ha cây ăn quả, 40 ha cây ca cao, 110 ha cây cao su, 30 ha măng tre điền trúc. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm: thu mua 1.586 tấn bắp, 3.894 tấn chè búp tươi.

Tổng số vốn 90.712 triệu đồng, hỗ trợ cho 41.160 lượt học sinh, sinh viên. Chính sách đối với người có uy tín trong vùng DTTS: Tổng kinh phí 6.079 triệu đồng, bồi dưỡng, tập huấn, tham quan học tập cho 3.029 lượt người có uy tín.

- Bằng các nguồn vốn khác nhau tỉnh đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp 24 công trình hồ, đập thủy lợi, kiên cố hóa 29 kênh mương cho vùng DTTS với công suất tưới cho 4.700 ha, số hộ dân tộc thiểu số được hưởng lợi trực tiếp là 2.975 hộ.

- Sản xuất lâm nghiệp chuyển dịch theo hướng xã hội hóa nghề rừng, giảm khai thác, tập trung trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và quản lý bảo vệ rừng ⁵.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ: Tỉnh đã tập trung tháo gỡ, tạo điều kiện cho ngành công nghiệp phát triển. Đặc biệt là công nghiệp thủy điện, khai khoáng, chế biến nông lâm sản, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7 - 10%/năm. Chương trình khuyến công được triển khai hàng năm với kinh phí bình quân 5 tỷ đồng/năm đã giải quyết việc làm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại một số xã thuần nông góp phần khôi phục và phát triển một số ngành nghề thủ công, làng nghề truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*dệt thổ cẩm, đan lát, song mây...*), giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động, tăng thêm thu nhập.

- Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

Mạng lưới giao thông đã được đầu tư cơ bản hoàn thành từ huyện đến xã, liên xã: 100% số xã có đường kiên cố đến trung tâm xã; hệ thống giao thông các tuyến quốc lộ 20, 27, 27C, 28, 20, 55; tỉnh lộ 725, 723, 721... được đầu tư nâng cấp khá đồng bộ; mạng lưới điện sinh hoạt phát triển. Đến nay, 100% số xã có điện lưới quốc gia. Ngoài ra, còn có các nguồn thủy điện nhỏ, cực nhỏ phục vụ cho những nơi gần sông suối, địa hình hiểm trở cách xa đường điện quốc gia, tỷ lệ hộ dùng điện ở nông thôn đạt trên 97%.

- Về giáo dục, y tế, văn hoá - xã hội:

- + Về giáo dục: Trong 15 năm qua, sự nghiệp giáo dục, đào tạo của tỉnh không ngừng phát triển. Hệ thống trường lớp được quy hoạch phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, đáp ứng được nhu cầu của con em trong tỉnh. Các địa phương trong tỉnh đã thực hiện quy hoạch mạng lưới các cấp học trên địa bàn tương đối hợp lý, nhất là vùng đồng bào DTTS. Đến nay, các địa bàn có đông đồng bào dân DTTS sinh sống như: huyện Đam Rông, Lạc Dương, Di Linh, Bảo Lâm, Đơn Dương ... đều có mạng lưới trường lớp từ mầm non đến trung học phổ thông. Toàn tỉnh đã hoàn thành phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Giáo dục mầm non được chú trọng tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ trẻ em đúng độ tuổi đi học đạt 96%, tỷ lệ bỏ học hàng năm giảm từ 1 - 2%. Đội ngũ giáo viên các cấp học phổ thông đã cơ bản ổn định về số lượng và chuẩn hóa trình độ. Lực lượng giáo viên tại chỗ, giáo viên người DTTS được tăng cường. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề được hình thành khá phong phú và rộng khắp, với 33 cơ sở dạy nghề. Thực hiện tốt chế độ ưu tiên trong thi tuyển, chính sách cử tuyển dự bị đại học cho

⁵. Trong 15 năm đã trồng 21.136 ha rừng, khoán quản lý bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh hàng năm 325.313 ha. Trong đó, giao khoán cho 11.814 hộ dân tộc thiểu số với diện tích 297.400 ha (chiếm 92%); từ năm 2010 đã có 7.897 hộ DTTS thuộc diện được hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng với mức thu nhập từ 200.000 đến 400.000 đồng/ha/năm góp phần cải thiện cuộc sống cho đồng bào, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân quản lý bảo vệ rừng, giảm áp lực phá rừng, làm rẫy; việc điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, tăng diện tích rừng sản xuất phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và tăng hiệu quả sử dụng rừng và đất lâm nghiệp.

con em người DTTS. Từ năm 2003 đến nay có hàng trăm em được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng. Hệ thống các trường trung học phổ thông, dân tộc nội trú tỉnh và huyện được đầu tư, đáp ứng yêu cầu giáo dục của từng ngành học, cấp học. Toàn tỉnh hiện có 07 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện và 01 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh.

+ Về y tế: Hệ thống khám chữa bệnh từ tỉnh đến cơ sở từng bước được củng cố và phát triển, đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số. Đến nay, 100% xã có trạm y tế; 100% xã, phường, thị trấn có bác sỹ; 100% số thôn, buôn có nhân viên y tế. Các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng được thực hiện tốt, khoảng 98% trẻ em trong độ tuổi được tiêm đủ 6 loại vacxin phòng ngừa bệnh. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn dưới 14%. Các loại dịch bệnh nguy hiểm (*sốt rét, phong, lao...*) cơ bản được ngăn chặn. Thực hiện chính sách ưu tiên miễn giảm viện phí, cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế cho 376.984 người, trong đó, phát 103.685 thẻ cho đồng bào DTTS, chiếm tỷ lệ 27,5%. Quan tâm thực hiện chế độ đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế là người DTTS, đặc biệt là cử tuyển con em dân tộc thiểu số vùng III đào tạo tại trường Quân y để về phục vụ lại nhân dân trong vùng.

+ Về văn hoá: Thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng trên cả 03 tuyến tỉnh, huyện, xã. Công tác bảo tồn và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS được chú trọng. Các hình thức sinh hoạt văn hoá ngày càng đa dạng và phong phú, phục vụ nhân dân địa phương và thu hút khách du lịch. Hệ thống thông tin liên lạc đã vươn tới tận thôn, buôn; 100% xã được phủ sóng phát thanh truyền hình; 100% xã vùng III có trạm truyền thanh không dây; 87,8% thôn, buôn có loa truyền thanh. Các chương trình phủ sóng phát thanh truyền hình triển khai hiệu quả, có 82% số hộ xem được truyền hình, 100% số hộ nghe được đài phát thanh. Duy trì thời lượng phát sóng truyền hình và truyền thanh bằng tiếng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt việc cấp không thu tiền một số loại báo, tạp chí đến tận thôn, buôn, xã đặc biệt khó khăn; có 100% xã có tủ sách pháp luật; 100% xã có trạm bưu điện và điểm bưu điện văn hoá được trang bị máy tính.

- Về công tác giảm nghèo: Tỉnh đã tập trung nguồn vốn, lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để xây dựng công trình hạ tầng thiết yếu, xóa nhà tạm, giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu đất. Tổ chức hướng dẫn cho hộ nghèo cách làm ăn, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ vốn và cho vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất; cấp tập vở, muối iốt, dầu thắp sáng cho các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa; miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, miễn thủy lợi phí; miễn giảm và hỗ trợ học phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo. Thực hiện và vận dụng Nghị quyết 30a của Chính phủ. Ngoài 8 xã thuộc huyện Đam Rông được đầu tư theo chương trình của Trung ương, Tỉnh đã xây dựng Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững cho 29 xã và 97 thôn có tỷ lệ hộ nghèo trên 30% để tạo điều kiện thực hiện tốt hơn công tác giảm nghèo vùng DTTS.

Tóm lại, qua triển khai thực hiện các nghị quyết, tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đã có nhiều chuyển biến tích cực, kinh tế hàng hoá từng bước hình thành và phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của đa số đồng bào dân tộc thiểu số dần được ổn định và từng bước cải thiện. Cùng với phát triển sản

xuất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

2.2.2. Công tác củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 20/10/2008 về đào tạo, nâng cao và phát huy nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 trong đó xác định quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ người đồng bào DTTS để bố trí, sử dụng vào các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan Nhà nước từ tỉnh đến cơ sở, từng bước xây dựng lực lượng này trở thành cán bộ chủ chốt giữ vai trò lãnh đạo, quản lý ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2003, toàn tỉnh có 1.226 cán bộ, công chức là người DTTS. Đến nay, tổng số công chức, viên chức người đồng bào DTTS là 2.629/31.558 người, chiếm tỷ lệ 8,33% trên tổng số cán bộ công chức, viên chức⁶.

Hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được củng cố, chất lượng tổ chức cơ sở đảng ở thôn, buôn được nâng cao. Các tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố về tổ chức và hoạt động, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền vận động để nhân dân nhận thức đúng và triển khai thực hiện nghiêm các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm, những khó khăn của đồng bào DTTS để đề xuất các ngành, các cấp giải quyết. Đến nay, toàn tỉnh có 4.480 đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số⁷. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội quan tâm đến phát triển đoàn viên, hội viên là đồng bào dân tộc thiểu số, hiện nay, có 98.146 đoàn viên, hội viên; toàn tỉnh có 1.627 Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp là người DTTS; trong đó, cấp tỉnh có 12 người, cấp huyện có 166 người, cấp xã 1.449 người; đồng thời quan tâm đến việc lựa chọn, bồi dưỡng và phát huy vai trò của già làng, người có uy tín và nhân sĩ, trí thức; đã xây dựng được 489 người có uy tín cốt cán trong vùng đồng bào DTTS.

2.2.3. Thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS.

Lâm Đồng là tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số theo đạo, chủ yếu là Phật giáo, Công giáo, Tin Lành. Tổng số tín đồ tôn giáo là đồng bào dân tộc thiểu số là trên 200.000 người (*chiếm 2/3 đồng bào dân tộc thiểu số*). Thẩm nhuần quan điểm: “tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng bào các tôn giáo là một bộ phận trong khối đại đoàn kết dân tộc”, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã quan tâm đến nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng, hợp pháp của đồng bào DTTS; đã tập trung tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm giải quyết cho thành lập, chia tách tổ chức tôn giáo trực thuộc, chuyển chuyển, bổ nhiệm chức sắc; chấp thuận cho

⁶. Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số: trên đại học 38 người, đại học 1.089 người, cao đẳng 737 người, trung cấp 843 người, sơ cấp 62 người, chưa qua đào tạo 121 người. Trình độ lý luận chính trị: cử nhân và cao cấp 26 người, trung cấp 508 người, sơ cấp 343 người, chưa đào tạo 1.137 người.

⁷. Năm 2003, toàn tỉnh có 19.295 đảng viên. Trong đó, đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số là 1.748 đảng viên.

chức sắc, chức việc được đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước; mời người nước ngoài vào giảng đạo, tổ chức các cuộc lễ, giao đất và cho phép xây dựng nhà thờ và nhà nguyện để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, vận động đồng bào có đạo chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tham gia giữ gìn an ninh trật tự, cảnh giác và đấu tranh với những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc Đảng, Nhà nước và chống chế độ của các thế lực thù địch.

2.2.4. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát triển sâu rộng và có hiệu quả trong đồng bào DTTS. Các mô hình tự quản, tổ an ninh nhân dân, đội dân phòng dân cữ, dân nuôi, tổ già làng, câu lạc bộ phòng chống tội phạm ngày càng được củng cố và phát huy, làm chỗ dựa vững chắc để xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong cộng đồng đã giúp nhân dân ngày càng nâng cao nhận thức hiểu biết pháp luật và tự giác chấp hành pháp luật. Các phong trào thi đua ở cơ sở được nhân dân tham gia tích cực: xây dựng “gia đình văn hóa”, “khu dân cư lành mạnh không có tội phạm, tệ nạn xã hội”, “khu dân cư đảm bảo trật tự an toàn giao thông”... Tham gia tuyên truyền, vận động và đấu tranh với các loại tội phạm; nhất là các hoạt động chống phá, kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Ngoài ra, lực lượng công an phối hợp với các ban, ngành và địa phương tổ chức nhiều đợt phát động quần chúng tại các địa bàn trọng điểm để tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; âm mưu, ý đồ của kẻ địch và phần tử xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá chính quyền... Đến nay đã xây dựng, củng cố 4.025 tổ an ninh nhân dân, 444 đội dân phòng, 924 đội tuần tra nghĩa vụ, 586 tổ bảo vệ dân phố, 1.341 tổ hòa giải...

2.2.5. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tích cực, chủ động tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Việc thực hiện những nội dung công khai để nhân dân biết, nhân dân bàn và quyết định được triển khai thực hiện nghiêm túc. Các cấp ủy Đảng thường xuyên chỉ đạo UBND cùng cấp thực hiện nghiêm yết các loại thủ tục hành chính, các chế độ chính sách đối với nhân dân; công khai minh bạch, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc, nhất là các chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, việc thu các loại phí, lệ phí ... Việc xây dựng và bổ sung quy ước, hương ước ở khu dân cư được các khu dân cư triển khai thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBTWMTTQVN và đã phát huy hiệu quả. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tiếp tục được các cơ quan, ban, ngành phối hợp thực hiện hiệu quả, tạo được sự đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân.

2.2.6. Việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở vùng DTTS. Thông qua việc tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước với nhiều hình thức đa dạng, phong phú trên các lĩnh vực đời sống xã hội⁸ đã góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chăm lo gia đình chính sách, công tác nhân đạo, từ thiện, khuyến học, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; đối thoại giải quyết những bức xúc của nhân dân. Tích cực thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, hòa giải của công dân, trả lời ý kiến của cử tri. Các chương trình liên tịch giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội với ngành công an, quân sự được đẩy mạnh, góp phần làm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc có nhiều cách làm sáng tạo trong công tác tập hợp, phát huy vai trò người tiêu biểu và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào dân tộc thiểu số như: thường xuyên tổ chức các hội nghị chuyên đề phát huy vai trò người tiêu biểu trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, hội nghị biểu dương Trưởng ban công tác Mặt trận vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt phong trào “Học tập và làm theo Thư Bác Hồ gửi Đại hội các dân tộc thiểu số Miền Nam tại Plây-Cu năm 1946” có sức lan tỏa sâu rộng, được đông đảo đồng bào DTTS đồng tình hưởng ứng và tích cực thực hiện góp phần quan trọng trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sau hơn 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 24, diện mạo của vùng đồng bào DTTS ở tỉnh Lâm Đồng có sự thay đổi khá toàn diện, kinh tế vùng đồng bào DTTS có bước phát triển; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; đồng bào biết ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; từng bước thay đổi tập quán canh tác lạc hậu. Một bộ phận đồng bào biết phát huy tiềm năng và lợi thế, tập trung phát triển các mô hình kinh tế hộ gia đình. Nhiều hộ đã chuyển đổi tập quán từ sản xuất nương rẫy sang sản xuất cây cà phê có giá trị kinh tế cao; số hộ đồng bào dân tộc làm ăn khá giỏi ngày càng tăng, góp phần tích cực vào việc thoát nghèo bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở vùng đồng bào DTTS được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, hệ thống đường liên xã và giao thông nông thôn được cứng hóa. Tự do, tín ngưỡng vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đảm bảo; giáo dục và đào tạo có sự chuyển biến tiến bộ; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng đồng bào

⁸. Các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Quy “Vì người nghèo”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Xây dựng gia đình 05 không, 03 sạch ..và các phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, “5 xung kích - 4 đồng hành”; “1+1, 1+2, 1+3 giúp nhau giảm nghèo bền vững, cùng nhau giữ gìn an ninh, trật tự thôn xóm”; “Tuổi cao gương sáng”; “Vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp tiền của để hỗ trợ hộ nghèo, chăm lo đời sống, xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo, khó khăn” ...

DTTS được chú trọng, dịch bệnh được kiểm soát; chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được nâng lên; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, mở rộng. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền ngày càng vững mạnh.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo bình quân còn ở mức cao; việc xác định cơ cấu cây trồng để hỗ trợ phát triển sản xuất một số địa phương còn lúng túng; quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún; kinh tế tập thể chưa phát triển, chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế... Trình độ canh tác trong vùng DTTS còn thấp, lạc hậu.

+ Thu nhập bình quân đầu người trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, tình trạng người dân phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp còn xảy ra. Công tác quy hoạch sắp xếp, bố trí dân cư, đầu tư trong vùng đồng bào DTTS thực hiện còn chậm, hiệu quả chưa cao; an sinh xã hội vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc cần được giải quyết. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm còn ở mức cao, việc giải quyết đất sản xuất cho đồng bào DTTS còn chậm, đời sống một bộ phận đồng bào vẫn còn nhiều khó khăn.

+ Nguồn vốn đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số còn dàn trải, chưa tập trung, hiệu quả đầu tư chưa cao, chủ yếu là dành cho xây dựng cơ sở hạ tầng, nguồn vốn đầu tư trực tiếp cho sản xuất ít, dẫn đến sản xuất chậm phát triển, thu nhập thấp. Công tác quản lý các chương trình đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn còn hạn chế; chưa lồng ghép tốt giữa các chương trình đầu tư cùng địa bàn, cùng đối tượng thụ hưởng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá sử dụng cán bộ, công chức dân tộc thiểu số còn bất cập. Số cán bộ, công chức dân tộc thiểu số công tác ở các cơ quan Đảng, chính quyền, các sở, ngành, các phòng ban cấp huyện còn thấp so với quy định. Một số huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng số cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính, sự nghiệp công lập ở huyện và cấp xã còn ít, chưa tương xứng với tỷ lệ người dân tộc thiểu số tại địa phương. Một số đơn vị không có cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số. Ngành giáo dục - đào tạo chưa tổ chức được việc dạy tiếng dân tộc thiểu số cho học sinh vùng DTTS. Số lượng học sinh DTTS đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp chưa có việc làm còn nhiều.

- Công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy đã được tăng cường, song vẫn còn một số mặt hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời. Việc đổi mới nội dung, phương thức của công tác dân tộc hiệu quả chưa cao, thiếu chiều sâu, có nhiều nhiệm vụ còn lúng túng; chưa nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng đồng bào DTTS.

2.2. Nguyên nhân hạn chế

a. Nguyên nhân khách quan:

- Xuất phát điểm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp so với bình quân chung của cả tỉnh; hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém, di dân tự do còn nhiều, trình độ dân trí còn thấp; thiên tai, hạn hán, dịch bệnh xảy ra liên tục trong nhiều năm.

- Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước. Ý thức bảo quản các công trình được Nhà nước đầu tư còn kém, hiệu quả sử dụng thấp; còn tự ti, thiếu ý thức vươn lên trong học tập, tổ chức sản xuất và chăm lo cuộc sống cho gia đình và bản thân nên chưa khai thác, phát huy hết nguồn lực trong cộng đồng dân cư.

- Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên bị kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo, hoạt động tôn giáo trái pháp luật vẫn còn diễn ra. Một số nơi, tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục diễn ra và chưa được giải quyết dứt điểm.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức của một số cấp uỷ Đảng, chính quyền cơ sở về việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS chưa được toàn diện; chưa coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cơ quan, đơn vị; trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện chưa được đồng bộ. Trình độ, năng lực của các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng còn hạn chế nên cũng ảnh hưởng đến công tác đầu tư.

- Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án trong vùng đồng bào DTTS chưa chặt chẽ, thiếu sự liên kết, thống nhất. Do đó, các nguồn lực chưa tập trung đầu tư để giải quyết dứt điểm cho từng mục tiêu, địa bàn, đối tượng; đầu tư còn dàn trải, hiệu quả đầu tư còn thấp.

- Công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn chưa tốt, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong khâu giám sát các công trình, dự án, có nơi còn mang tính hình thức.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước phải phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Từ đó, xây dựng các đề án, kế hoạch cụ thể đến từng đối tượng và xác định rõ những yếu tố liên quan. Đây là bài học lớn đối với việc triển khai đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất trong giai đoạn vừa qua.

2. Các ngành, địa phương phối kết hợp chặt chẽ trong việc lồng ghép chính sách trên địa bàn. Kịp thời tham mưu bổ sung, sửa đổi những chính sách phù hợp với thực tế. Từ đó, làm cho nguồn lực đầu tư trong vùng dân tộc thiểu số được tập trung và có hiệu quả.

3. Phát huy dân chủ cơ sở, giải quyết kịp thời những bức xúc của đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, phát huy ý thức tự giác trong đời sống và trong phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo.

4. Coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số; bồi dưỡng lực lượng cốt cán, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số như: già làng, trưởng thôn, trưởng dòng họ ...

5. Tập trung nguồn lực đầu tư, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí gắn với đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 24 -NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân tộc, Chỉ thị số 49 -CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên, nhân dân. Cấp ủy, tổ chức Đảng tập trung chỉ đạo hệ thống chính trị các cấp, các ngành tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc thiểu số. Xác định công tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng dân tộc thiểu số là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, chính sách dân tộc, công tác giảm nghèo và huy động lồng ghép các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế vùng DTTS:

- Rà soát, đánh giá lại các chương trình, chính sách đang triển khai thực hiện, từ đó, đổi mới phương thức, nội dung chỉ đạo điều hành theo hướng phát huy cao độ dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ, giám sát, sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện các chương trình, chính sách trên địa bàn. Chủ động đề xuất, giải quyết kịp thời các kiến nghị và những vấn đề phát sinh trong thực tế triển khai.

- Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả các chính sách, chương trình mục tiêu, dự án đầu tư vùng dân tộc thiểu số: xây dựng kết cấu hạ tầng, đảm bảo nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, buôn; kiên cố hóa trường học, trạm y tế, bưu điện văn hóa xã; hỗ trợ nhà ở, giải quyết đất sản xuất, giải quyết việc làm, giảm nghèo.

- Triển khai các dự án định canh định cư cho các thôn, buôn, các xã có dân tộc thiểu số, hạn chế tối đa du canh, du cư nội vùng, di cư tự do. Đến năm 2020, cơ bản hoàn thành kế hoạch định canh, định cư theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 và Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ

- Triển khai có hiệu quả Đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Rà soát, thống kê chính xác danh sách hộ nghèo, xã, thôn, buôn nghèo hàng năm để có kế hoạch, biện pháp giúp đỡ thiết thực. Phân công cụ thể đảm bảo huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo đều có đơn vị, tổ chức, cá nhân theo dõi, giúp đỡ. Đồng thời thực hiện tổng hợp các giải pháp, chính sách: tín dụng ưu đãi, y tế,

giáo dục, đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động để mỗi đối tượng nghèo đều được đầu tư hỗ trợ thoát nghèo bền vững. Thường xuyên tuyên truyền vận động để làm thay đổi nhận thức, chuyển biến từ tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong đồng bào dân tộc thiểu số sang chủ động, tự vươn lên thoát nghèo.

3. Phát triển sản xuất, ổn định đời sống, nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số. Ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp vùng dân tộc thiểu số, tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như giống, biện pháp canh tác, thâm canh, công nghệ sau thu hoạch để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích gieo trồng.

4. Phát triển văn hóa - xã hội vùng dân tộc thiểu số:

- Về giáo dục: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục; phổ cập giáo dục đúng độ tuổi ở bậc tiểu học và trung học cơ sở. Huy động con em đồng bào DTTS đến trường đúng độ tuổi, cấp học. Xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách cử tuyển dành cho con em các DTTS vào học tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Đồng thời quan tâm bố trí việc làm sau đào tạo.

- Về y tế: Nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh ngay từ tuyến cơ sở; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho đồng bào DTTS.

- Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước xây mới, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất văn hóa tại cơ sở. Cùng cố các trung tâm văn hóa thể thao tuyến huyện. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa; khuyến khích phát triển làng văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- An sinh xã hội, đào tạo nghề và giải quyết việc làm:

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người có uy tín, hộ nghèo. Rà soát, thống kê các hộ dân tộc thiểu số còn khó khăn về nhà ở để có biện pháp huy động vốn hỗ trợ nhà ở cho các hộ, đảm bảo không còn hộ dân tộc thiểu số sống trong nhà tạm.

Thực hiện tốt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1965/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Chính phủ. Trong đó, ưu tiên giải quyết cho các đối tượng là người dân tộc thiểu số ở huyện nghèo, xã nghèo, thôn buôn đặc biệt khó khăn. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, trong nước và xuất khẩu lao động.

5. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước của các cấp, các ngành và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn tại cơ sở. Khuyến khích người dân, các tổ chức quần chúng tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đầu tư ở vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số và đảm bảo biên chế cán bộ làm công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện để tham mưu công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội vùng bào dân tộc thiểu số.

6. Tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh:

- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của tổ chức đảng. Các đảng bộ, chi bộ cơ sở phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phân công rõ nhiệm vụ của đảng viên trong việc nắm tình hình và chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, đặc biệt là phát triển đảng viên tại chỗ; kết hợp luân chuyển, điều động đảng viên có năng lực về cơ sở.

- Xây dựng chính quyền xã, phường, thị trấn vững mạnh; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức cơ sở để tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Tổ chức các cuộc vận động để nâng cao nhận thức, từng bước chuyển từ thái độ thụ động, ỷ lại trong đồng bào dân tộc thiểu số sang chủ động, tự vươn lên thoát nghèo; khuyến khích, phát huy vai trò của già làng, người có uy tín tham gia cùng cấp ủy đảng, chính quyền, chủ dự án nhằm tăng cường khả năng giám sát của cộng đồng trong công tác giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số.

7. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong vùng dân tộc thiểu số. Bên cạnh việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo; cần thực hiện tốt công tác dân vận và phát huy các tập tục tốt đẹp của đồng bào; vận động quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân vùng dân tộc thiểu số chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc gây mất ổn định chính trị ở địa phương.

VII. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương:

1. Tiếp tục có những chính sách hỗ trợ, ưu đãi về giáo dục, y tế cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế khó khăn, miền núi, vùng cao.

2. Quan tâm, tăng cường hỗ trợ vốn đầu tư hàng năm cho tỉnh Lâm Đồng để thực hiện dứt điểm các dự án ổn định dân cư đang thực hiện dở dang và triển khai các dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt.

3. Xem xét bổ sung chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình trong điểm c, mục 2, Điều 3, Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ một phần chi phí làm nhà ở cho các hộ dân di cư tự do khi di chuyển đến ở tại các điểm quy hoạch dân cư mới. Vì các hộ này thường sống trong rừng, ven rừng, chỗ ở cũ phần lớn là nhà tạm không thể tận dụng để di chuyển mà cần làm nhà.

4. Bố trí bổ sung vốn kịp thời cho dự án quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân di cư tự do thôn Đạ M'Pô, xã Liêng S'Rôn, huyện Đam Rông (dự án đã được phê duyệt từ năm 2007), được điều chỉnh năm 2015, với tổng mức đầu tư dự án 86,34 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 50,454 tỷ đồng. Nhưng tính đến thời điểm hết năm 2017, kinh phí Trung ương mới bố trí 10 tỷ đồng, đạt 19,8%.

5. Xem xét, thống nhất cho lập dự án đầu tư mới và kịp thời bố trí vốn để thực hiện đối với các dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do cho 320 hộ/1.725 nhân khẩu

tại: tiểu khu 179; tiểu khu 181; tiểu khu 197 và tiểu khu 198 (Khu vực Tây Sơn), xã Liêng S'Rôn, huyện Đam Rông và sớm bố trí vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để tỉnh Lâm Đồng lập dự án, triển khai dự án đầu tư trong thời gian tới.

6. Nâng định mức phân bổ vốn theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn cho phù hợp trong thời điểm hiện nay.

7. Việc thực hiện rà soát các xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn cần tiến hành vào giữa và cuối giai đoạn 5 năm/2 lần. Lý do: đây là vùng đặc biệt khó khăn nên khi thoát khỏi khu vực III thì trong những năm tiếp theo vẫn còn nhiều khó khăn; nhiều hộ mới thoát nghèo vẫn còn tình trạng nguy cơ tái nghèo nên tiếp tục cần được đầu tư góp phần tạo thêm nguồn lực cho việc giảm nghèo nhanh và bền vững. *RL*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, } (báo cáo).
- Ban Dân vận Trung ương, }
- Thường trực Tỉnh ủy,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Các ban Đảng Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Trần Đức Quận